

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-01-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1959/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kiều D, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, xã Phước An, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị Kiều D trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình T tìm hiểu được 06 tháng thì tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 3 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phước An, huyện Tuy Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung với mẹ chồng. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng chị trong lúc bất đồng quan điểm

với nhau thì anh T có hành vi bạo lực với chị. Khi chị bị thương ở đầu thì bản thân chị phải tự đến bệnh viện để điều trị. Nhận thấy anh T và gia đình anh bỏ mặc, không chăm sóc cho chị nên chị về nhà cha mẹ chị sinh sống từ ngày 28 tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải cho vợ chồng chị nhưng không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Trúc L, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2017. Hiện nay cháu L đang sống với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D được ly hôn, giao con chung cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Thị Kiều D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Nguyễn Đình T là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đang cư trú tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đình T vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị D cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai nên Tòa án chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này và kết quả xác minh của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kiều D và anh Nguyễn Đình T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 3 năm 2017 tại UBND xã Phước An, huyện Tuy

Phước nên hôn nhân giữa chị D, anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị D yêu cầu ly hôn vì anh T có hành vi đánh chị và bỏ mặc chị không chăm sóc. Hội đồng xét xử xét thấy lý do mà chị D trình bày tuy chưa là chứng cứ vững chắc nhưng thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân 01 năm và hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị D được ly hôn anh T.

[5] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trúc L, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2017. Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L. Xét thấy từ khi sống ly thân đến nay, cháu L vẫn do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và chị D vẫn đảm bảo để cháu được phát triển bình thường. Do đó, việc giao con cho chị D chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng xét thấy anh T không có nghề nghiệp ổn định nên chỉ căn cứ vào tình hình thực tế của cháu L để quyết định mức cấp dưỡng. Áp dụng các Điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị D, anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Huỳnh Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho chị Huỳnh Thị Kiều D được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Giao con chung là cháu Nguyễn Trúc L, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2017 cho chị Huỳnh Thị Kiều D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu L đang sống với chị D.

Buộc anh Nguyễn Đình T cấp dưỡng nuôi cháu L hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chị Huỳnh Thị Kiều D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000849 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND X. Phước An, H. Tuy Phước (Số 41/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên